TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 729/2023/HS-PT
Ngày 25 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 542/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Lương Văn H do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo: **Lương Văn H,** sinh năm 1976 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú: Số 782, Quốc lộ 1A, khu phố T, phường K, thành phố TA, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn B (chết) và bà Lương Thị P; Có vợ (Ngô Thị T – đã ly hôn) và 02 con, chung sống như vợ chồng với Dương Thị Thảo E; Tiền án, tiền sự: Không; Phan Thành N thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Bùi Văn B, Công ty Luật sư TNHH MTV T, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Luật sư Dương Thị Kim L, Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Người bị hại có liên quan đến kháng cáo: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 3A, xã P, huyện B, tỉnh Long An, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, liên quan đến kháng cáo:

1. Bà Lương Thị P, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 782, Quốc lộ 1A, khu phố T, phường K, thành phố TA, tỉnh Long An;

Chỗ ở hiện nay: Số 115/97 đường số 51, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phụng: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ số 35 HV, Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2023), có mặt.

2. Ông Mai Thanh D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 82C, khu phố V, phường VH, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

Ngoài ra còn có 01 người bị hại và 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lương Văn H là Giám đốc Công ty HT, ngày 03/3/2020 ký Hợp đồng kinh tế số 01/03/HĐKT/2020 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn TTL STAR (địa chỉ: 153 TTS, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Tự Thị L làm giám đốc, nội dung: Cạp đá gia công để thi công công trình đắp hộc bờ kè tại huyện KL và thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Thông qua mối quan hệ quen biết với Lê Văn P là nhân viên của Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng và Tư vấn Quản lý dự án I (Sau đây viết tắt là Công ty I), do ông Trần Quang H làm Giám đốc, Lê Văn P giới thiệu cho Lương Văn H ký kết các Hợp đồng kinh tế thuê xe máy đào như sau:

- Ngày 05/3/2020, Công ty I với Công ty HT ký kết hợp đồng kinh tế số 02.HĐKT/2020, về việc thuê 03 máy đào, gồm: 01 xe máy đào hiệu KOBELCO SK400, loại gầu 1,6m^3; 01 xe máy đào hiệu HYUNDAI ROBEX 2900 LC-3, loại gầu 1,2m^3 và 01 xe máy đào hiệu SUMITOMO 430F2, loại gầu 1,2m^3;

- Ngày 06/3/2020, ông Trần Quang H với Lương Văn H ký kết Hợp đồng kinh tế số 03.HĐKT/2020, về việc cho thuê xe máy đào có dung tích gầu 1,4m^3, hiệu xe CATERPILLAR 330BL.

Giá thuê 30.000.000 đồng/xe/tháng; Tất cả các xe trên đều không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Lương Văn H đã trả tiền thuê 04 xe với số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 30/3/2020, hai bên đã ký kết Biên bản giao máy móc, thiết bị. Sau khi nhận xe, Lương Văn H đã vận chuyển xe nhãn hiệu KOBELCO SK400, loại gầu 1,6m^3 và xe nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900 LC-3, loại gầu 1,2m^3 đến thi công tại các công trình ở các địa bàn thành phố HT, thành phố R và huyện KL thuộc tỉnh Kiên Giang.

Đến ngày 12/6/2020, do cần tiền tiêu xài và phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Lương Văn H đã nhờ ông Đào Văn T (là người đang quản lý 02 xe máy đào trên giúp cho Lương Văn H) tìm và cầm chiếc xe máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900 LC-3, loại gầu 1,2m^3 với số tiền là 300.000.000 đồng, Lương Văn H không nói nguồn gốc xe của ai cho Đào Văn T biết. Đào Văn T đến gặp ông Mai Thanh D thì ông Đào Thanh D chỉ đồng ý nhận cầm xe với số tiền 270.000.000 đồng. Đào Văn T gọi điện thoại cho Lương Văn H biết, Lương Văn H đồng ý cầm xe và làm "Giấy biên nhận cầm xe" gửi cho Đào Văn T qua tin nhắn Zalo. Sau đó, Đào Văn T đưa xe máy đào HYUNDAI đến cầm cho ông Đào Thanh D với số tiền 270.000.000 đồng và viết "Biên nhận cầm xe". Đào Văn T chuyển số tiền cầm xe 250.000.000 đồng cho Phan Thành N là nhân viên của Công ty HT nhận theo yêu cầu của Lương Văn H và Phan Thành N đã rút tiền giao lại cho Lương Văn H, số tiền còn lại 20.000.000 đồng, Đào Văn T giữ làm chi phí vận chuyển xe đến chỗ cầm. Sau khi cầm cố xe, do không có tiền nên Lương Văn H đã không đóng lãi đúng như thỏa thuận, ông Đào Thanh D nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu ông Đào Văn T trả lãi suất và chuộc lại xe thì ông Đào Văn T gọi điện thoại cho Lương Văn H yêu cầu Lương Văn H gửi tiền đóng lãi và chuộc lại xe, nhưng Lương Văn H nói không có tiền, nên ông Đào Văn T nói với Lương Văn H tiếp tục cầm xe thêm 30.000.000 đồng để có tiền đóng lãi, kéo dài thời gian cho Lương Văn H kiếm tiền trả cho ông Đào Thanh D, Lương Văn H đồng ý, nên ông Đào Văn T gặp ông Đào Thanh D tiếp tục cầm xe thêm số tiền 30.000.000 đồng để có tiền đóng lãi suất và làm chi phí sửa chữa, xăng dầu hoạt động của xe máy đào KOBELCO SK400 do ông Đào Văn T đang quản lý giùm cho Lương Văn H. Sau đó, ông Đào Văn T tiếp tục gọi điện thoại nhiều lần cho Lương Văn H để yêu cầu chuộc lại xe nhưng Lương Văn H không nghe máy và cố tình lẩn tránh. Đến ngày 02/11/2020, ông Đào Thanh D bán chiếc xe máy đào HYUNDAI nêu trên cho ông Lương Xuân T với giá 380.000.000 đồng. Ngày 07/11/2020, ông Lương Xuân T tiếp tục bán chiếc xe máy đào trên cho ông Đỗ Văn M với giá 340.000.000 đồng. Hiện tại xe này đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi và giao trả lại cho Công ty I.

Cũng trong khoảng thời gian tháng 8/2020, Lương Văn H đưa xe máy đào nhãn hiệu KOBELCO SK 400, loại gầu 1,6m^3 đến huyện KL, tỉnh Kiên Giang để thi công đắp hộc đá cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ MN do ông Đinh Trần H làm Phó Giám đốc. Khi thi công được khoảng 10 ngày thì xe bị hư hỏng, nên bị cáo Lương Văn H đưa xe về thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để sửa chữa. Đến ngày 10/9/2020, ông Đinh Trần H hỏi Lương Văn H thuê xe, nhưng Lương Văn H nói không cho thuê, ông Đinh Trần H đặt vấn đề bán xe thì Lương Văn H đồng ý bán. Sau đó, hai bên lập hợp đồng mua bán xe với giá 550.000.000 đồng. Ngày 14/9/2020, ông Đinh Trần H đến thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ký kết Hợp đồng mua, bán số 1409/2020/HĐKT ngày 14/9/2020, về việc mua, bán xe máy đào nhãn hiệu KOBELCO SK 400 và trả trước số tiền 400.000.000 đồng cho Lương Văn H và vận chuyển xe về huyện KL, tỉnh Kiên Giang. Khoảng 30 ngày sau, ông Đinh Trần H trả hết số tiền còn lại cho Lương Văn H. Đến khoảng cuối tháng 6/2021, do công việc ít và xe máy đào nhãn hiệu KOBELCO SK 400 thường xuyên bị hư hỏng, ông Đinh Trần H đã bán xe lại cho ông Trần Anh T với giá là 550.000.000 đồng, giao xe nhưng không làm hợp đồng mua bán. Khoảng giữa tháng 7/2021, ông Trần Anh T bán xe lại cho một người đàn ông không rõ lai lịch

có tên gọi Bunna, quốc tịch Campuchia giá tiền 480.000.000 đồng. Hiện tại chưa xác định được xe máy đào trên đang ở đâu, do ai đang quản lý, sử dụng.

Mặt khác, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 10/2020, Lương Văn H có quan hệ tình cảm nam nữ với bà Phạm Thị Thu T. Sau đó, Lương Văn H cho rằng bà Phạm Thị Thu T lừa dối tình cảm và lừa tiền của Lương Văn H, nên vào ngày 27/10/2020, Lương Văn H gọi điện thoại kêu bà Phạm Thị Thu T cùng đi đến huyện Đ, tỉnh Long An để xem, mua đất thì bà Phạm Thị Thu T đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 29/10/2020, Lương Văn H điều khiển xe ô tô biển số 51D – 150.48 đến siêu thị CoopMart tại thành phố TA, tỉnh Long An mua 02 hộp bánh ngọt, 02 con dao Thái Lan và đi đến tiệm tạp hóa không nhớ biển hiệu mua 01 đoạn dây dù màu trắng xanh, dài khoảng 20 m và 01 cái can bằng nhựa, màu trắng, loại 30 lít, rồi cất giữ tất cả đồ vật, dụng cụ trên vào bên trong cốp xe ô tô.

Khoảng 14 giờ ngày 30/10/2020, Lương Văn H gọi điện thoại hẹn bà Phạm Thị Thu T gặp nhau lúc 19 giờ trước siêu thị CoopMart tại thị trấn B, huyện B để cùng đi đến huyện Đ xem đất. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Lương Văn H điều khiển xe ô tô biển số 51LD - 150.48 đến Siêu thị CoopMart chở bà Phạm Thị Thu T đi. Khi đi đến đoạn đường đất thuộc ấp BT 1, xã ĐHH, huyện Đ, Lương Văn H dừng xe ô tô bên đường, rồi dẫn bà Phạm Thị Thu T đi bộ vào ngôi nhà bỏ hoang của ông Nguyễn Văn C, cách vị trí đỗ xe ô tô khoảng 200m. Khi đi, Lương Văn H mang theo 01 cái bọc nhựa màu xanh bên trong chứa 02 túi bánh, 01 con dao, 01 sợi dây dù và tài sản của bà Phạm Thị Thu T gồm: điện thoại di động, ví da, ba lô; Lương Văn H đi phía sau, sử dụng điện thoại di động của bà Phạm Thị Thu T mở đèn sáng soi đường đi, còn bà Phạm Thị Thu T đi phía trước. Khi đi đến ngôi nhà, Lương Văn H dùng tay đẩy mạnh từ phía sau lưng bà Phạm Thị Thu T làm bà Phạm Thị Thu T áp mặt vào vách tường nhà rồi Lương Văn H lấy dây dù ra trói 02 tay của bà Phạm Thị Thu T ra phía sau, Lương Văn H nói *"mày lừa tình, lừa tiền tao"*, bà Phạm Thị Thu T nói *"em lừa anh cái gì?"*, Lương Văn H lấy con dao Thái Lan đem theo sẵn kề vào cổ bà Phạm Thị Thu T và yêu cầu bà Phạm Thị Thu T đi vào bên trong nhà. Lương Văn H yêu cầu bà Phạm Thị Thu T ngồi xuống nền nhà và đưa 02 chân về trước, Lương Văn H kéo sợi dây dù lên trói 02 chân của bà Phạm Thị Thu T lại, sau đó tiếp tục kéo sợi dây dù buộc 02 tay bà Phạm Thị Thu T vào thanh gỗ phía sau bên trong căn nhà hoang và nói *"mày lừa tình, lừa tiền tao, bây giờ tao chết với mày, giờ tao không còn gì hết"*. Lương Văn H yêu cầu bà Phạm Thị Thu T trả lời việc bà Phạm Thị Thu T lừa dối tình cảm của Lương Văn H và bảo bà Phạm Thị Thu T trả lại số tài sản (nữ trang, vàng) mà Lương Văn H cho rằng đã tặng cho bà Phạm Thị Thu T trước đó, bà Phạm Thị Thu T không đồng ý, giữa Lương Văn H và bà Phạm Thị Thu T xảy ra cự cãi. Khoảng 40 phút sau, Lương Văn H bảo bà Phạm Thị Thu T đi ra xe ô tô để Lương Văn H chở về nhà của Lương Văn H, tại địa chỉ: Số 782, Quốc Lộ 1A, khu phố T, phường K, Thành phố TA, tỉnh Long An, bà Phạm Thị Thu T không đồng ý, Lương Văn H tiếp tục lấy con dao ra hăm dọa bà Phạm Thị Thu T nếu không đi thì sẽ bị giết chết. Do bị uy hiếp tinh thần, bà Phạm Thị Thu T hoảng sợ nên đồng ý đi theo Lương Văn H. Lương Văn H lấy con dao cắt dây trói tay bà Phạm Thị Thu T ra khỏi thanh gỗ và cắt dây trói chân. Lương Văn H yêu cầu bà Phạm Thị Thu T đi trước, 02 tay bà Phạm Thị Thu T vẫn bị trói phía sau lưng, Lương Văn H đi phía sau giữ điện thoại, ví da và ba lô của bà Phạm Thị Thu T. Khi đi ra đến nơi để xe ô tô, Lương Văn H

để tất cả đồ vật, tài sản của bà Phạm Thị Thu T vào trong cốp xe phía sau, sau đó dùng 02 tay ẵm bồng bà Phạm Thị Thu T lên xe ô tô, bà Phạm Thị Thu T ngồi vị trí ghế ngang với ghế tài xế của Lương Văn H, lúc này bà Phạm Thị Thu T vẫn bị trói 02 tay phía sau lưng. Lương Văn H điều khiển xe ô tô chở bà Phạm Thị Thu T về nhà của Lương Văn H, tay trái điều khiển xe, còn tay phải nắm giữ bà Phạm Thị Thu T. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Lương Văn H chở bà Phạm Thị Thu T về đến nhà, Lương Văn H bước xuống và ẵm bồng bà Phạm Thị Thu T xuống xe. Sau đó, Lương Văn H lấy dao cắt dây trói 02 tay của bà Phạm Thị Thu T và đưa bà Phạm Thị Thu T đi vào bên trong phòng ngủ của Lương Văn H. Lúc này, có anh Phan Thành N là nhân viên kế toán của Lương Văn H gặp và hỏi Lương Văn H *"có chuyện gì vậy anh?"*, Lương Văn H nói *"mày coi chị mày lừa tình, lừa tiền tao"*, Phan Thành N bảo Lương Văn H báo Công an, bà Phạm Thị Thu T nói với Phan Thành N *"để chị nói chuyện với anh Lương Văn H";* Phan Thành N đi ra ngoài, Lương Văn H đóng cửa phòng rồi nói với bà Phạm Thị Thu T *"bây giờ tao không còn gì hết, để tao chết với mày hôm nay"*. Sau đó, Lương Văn H mở cửa phòng đi ra xe ô tô lấy can bằng nhựa màu trắng, loại 30 lít đựng bên trong gần ½ thể tích nước mang vào trong phòng, đứng đối diện cách bà Phạm Thị Thu T khoảng 02m, Lương Văn H nói *"bây giờ người ta đến đòi tiền, giờ không có tiền, để tao chết với mày"*, Lương Văn H vừa nói, vừa cầm vặn tháo nút can nhựa, cùng lúc này Phan Thành N chạy vào can ngăn, giật lấy can nhựa đem ra ngoài và đóng cửa lại. Sau đó, Lương Văn H tiếp tục yêu cầu bà Phạm Thị Thu T trả lại tiền, bà Phạm Thị Thu T không đồng ý. Lương Văn H giữ bà Phạm Thị Thu T tại phòng ngủ của Lương Văn H đến khoảng 06 giờ ngày 31/10/2020, bà Phạm Thị Thu T gọi điện thoại di động cho Hồ Hoàng N là con ruột của bà Phạm Thị Thu T chụp ảnh Giấy chứng minh nhân dân của bà Phạm Thị Thu T gửi qua Zalo điện thoại của bà Phạm Thị Thu T và đưa cho Lương Văn H. Đến khoảng 08 giờ 20 phút ngày 31/10/2020, sau khi có được hình ảnh của Giấy chứng minh nhân dân bà Phạm Thị Thu T, Lương Văn H kêu chị Võ Ý N là nhân viên văn phòng của Công ty HT đánh máy vi tính 02 tờ Giấy biên nhận mượn tiền, gồm: 01 Giấy biên nhận mượn tiền với số tiền 2.000.000.000 đồng, ghi ngày 07/6/2020; 01 Giấy biên nhận mượn tiền với số tiền 2.500.000.000 đồng, ghi ngày 09/8/2020, thể hiện cùng nội dung việc bà Phạm Thị Thu T mượn tiền của Lương Văn H. Lương Văn H trực tiếp cung cấp thông tin cá nhân của bà Phạm Thị Thu T cho chị Võ Ý N đánh máy vi tính 02 tờ giấy mượn tiền trên. Sau khi đánh máy xong, Nhi đưa 02 Giấy mượn tiền cho Lương Văn H đem vào phòng ngủ và yêu cầu bà Phạm Thị Thu T ký tên, bà Phạm Thị Thu T không đồng ý, Lương Văn H sử dụng cây kéo dùng để cắt kiềng uy hiếp, dọa đâm bà Phạm Thị Thu T nếu bà Phạm Thị Thu T không đồng ý ký tên vào 02 giấy mượn tiền, nên bà Phạm Thị Thu T đã ký tên vào 02 Giấy biên nhận mượn tiền.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bà Phạm Thị Thu T bảo Lương Văn H đưa lại cái ba lô để lấy thuốc uống, Lương Văn H ra xe ô tô lấy cái ba lô vào phòng đưa cho bà Phạm Thị Thu T. Sau đó, bà Phạm Thị Thu T lấy trong ba lô ra 01 túi nylon màu đen bên trong có đựng số tiền 150.000.000 đồng đưa cho Lương Văn H và nói *"anh cầm đỡ số tiền này xài đi"* (theo lời khai của bị cáo Lương Văn H), Lương Văn H lấy số tiền trên. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Hồ Hoàng N gọi điện thoại di động cho bà Phạm Thị Thu T thì Lương Văn H nghe máy và

Lương Văn H yêu cầu Hồ Hoàng N đem số tiền 4.500.000.000 đồng đến nhà Lương Văn H để chuộc bà Phạm Thị Thu T về thì Hồ Hoàng N không đồng ý.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Lương Văn H chở bà Phạm Thị Thu T đi đến Phòng số 305 Khách sạn Ruby, địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Tại đây, bà Phạm Thị Thu T đòi nhảy lầu tự tử, Lương Văn H gọi điện thoại kêu Hồ Hoàng N đến trước siêu thị CoopMart – thị trấn B để chở bà Phạm Thị Thu T về. Sau đó, Lương Văn H chở bà Phạm Thị Thu T đến Siêu thị CoopMart rồi bỏ bà Phạm Thị Thu T tại đây rồi Lương Văn H điều khiển xe ô tô đi về nhà.

Ngày 01/11/2020 và ngày 23/11/2020, bà Phạm Thị Thu T, ông Trần Quang H đã làm đơn tố cáo hành vi của Lương Văn H đến cơ quan Công an. Ngày 28/12/2020, Lương Văn H khởi kiện bà Phạm Thị Thu T tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, yêu cầu bà Phạm Thị Thu T trả lại số tiền 4.500.000.000 đồng với chứng cứ là 02 Giấy biên nhận tiền như trên. Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án nhưng chưa giải quyết, đến ngày 18/5/2021 Lương Văn H rút đơn khởi kiện và Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Tại Bản kết luận giám định số 248/2021/KLGĐ ngày 05/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: Chữ ký mang tên "Lương Văn H" bằng bút bic màu xanh ở mục "Đại diện Bên B" trên tờ "Hợp đồng kinh tế"; Chữ ký bằng bút bic màu xanh ở bên phải lề dưới của trang 1 và trang 2, chữ ký và chữ viết "Lương Văn H" bằng bút bic màu xanh ở mục "Đại diện Bên B" trên tờ "Hợp đồng kinh tế"; Chữ ký bằng bút bic màu xanh ở bên phải lề dưới của trang 1, chữ ký và chữ viết "Lương Văn H" bằng bút bic màu xanh ở mục "Đại diện Bên B" trên tờ "Biên bản bàn giao máy móc, thiết bị" với: Chữ viết bắt đầu "Lương Văn H..." và kết thúc bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên "Lương Văn H" bằng bút bic màu xanh ở 02 mục "Người tự khai" trên tờ "Bản tự khai", là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 943/2021/KLGĐ ngày 22-12-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận: Chữ ký và chữ viết "Phạm Thị Thu T" bằng bút mực màu xanh ở mục "Người mượn" trên 02 tờ "Biên nhận mượn tiền" với: Chữ ký và chữ viết "Phạm Thị Thu T" bằng bút bic màu xanh ở mục "Bên nhận"; Chữ viết bắt đầu "Cộng hòa..." và kết thúc "...Phạm Thị Thu T" bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên "Phạm Thị Thu T" ở dưới dòng chữ viết "Long An ngày 3/2/2021" trên tờ "Bản Tường Trình Sự Việc", là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1862/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Long An, kết luận như sau: Giá trị thiệt hại của xe máy đào bánh xích nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900 LC–3, loại gầu 1,2 m^3, sản xuất năm 1998, đã qua sử dụng là 513.885.000 đồng; Giá trị thiệt hại của xe máy đào bánh xích nhãn hiệu KOBELCO SK400, loại gầu 1,6 m^3, sản xuất năm 1989, đã qua sử dụng là 632.418.000 đồng. Tổng giá trị 02 xe máy đào nêu trên bị thiệt hại là 1.146.303.000 đồng.

Cơ quan điều tra còn thu giữ vật chứng tại hiện trường, gồm: 07 đoạn dây dù, 01 vỏ hộp bánh, 02 cái bánh, 01 cái khăn, 01 cái mền, 01 váy nữ, 01 áo, 01 quần; tạm giữ của bị cáo Lương Văn H 01 xe ô tô biển số 51D-150.48 và giấy chứng nhận kiểm định xe, 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, 01 xe mô tô SH150I

biển số 62B1-604.13; Hoàn trả xe HYUNDAI ROBEX 2900 LC – 3, loại gầu 1,2m^3 cho anh Trần Quang H.

Bà Lương Thị P là mẹ ruột của bị cáo Lương Văn H đã bồi thường cho ông Mai Thanh D số tiền 270.000.000 đồng .

Tại Bản Cáo trạng số 07/CT-VKSLA-P2 ngày 13/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, đã truy tố bị cáo Lương Văn H về các tội: *"Bắt, giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản", "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 4 Điều 170, điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 12/6/2023, sửa chữa, bổ sung tại Thông báo số 10/2013/TB-TA ngày 12/07/2023 và ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn H phạm các tội: *"Bắt, giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản"* và *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*;

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật";

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 13 (mười ba) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b và s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lương Văn H. Buộc bị cáo Lương Văn H chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là 26 (hai mươi sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 07/6/2021.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; tuyên về nghĩa vụ thi hành án, trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/6/2023, bị cáo Lương Văn H có đơn kháng cáo kêu oan đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản" vì bà Phạm Thị Thu T tự nguyện đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng, nên bị cáo không phạm tội. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", yêu cầu buộc ông Mai Thanh D trả lại số tiền 270.000.000 đồng do mẹ của bị

cáo là bà Lương Thị P đã giao cho ông Đào Thanh D để chuyển sang bồi thường cho Công ty I, khắc phục hậu quả cho bị cáo đối với Công ty I.

- Ngày 15/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị P có đơn kháng cáo yêu cầu buộc ông Mai Thanh D trả lại số tiền 270.000.000 đồng cho bà để chuyển sang bồi thường cho các bị hại trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và bắt giữ người trái pháp luật như bản án sơ thẩm đã xử là không oan. Tuy nhiên bị cáo không cưỡng đoạt tài sản của bà Phạm Thị Thu T như bản án sơ thẩm đã xử nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải oan cho bị cáo.

- Bà Lương Thị P có bà Trương Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền có ý kiến: bà Phụng giữ nguyên kháng cáo. Do Cơ quan điều tra động viên nên bà mới giao cho ông Mai Thanh D số tiền 270.000.000 đồng tại Cơ quan cảnh sát điều tra, nay ông Đào Thanh D không còn là bị hại trong vụ án, nên bà yêu cầu buộc ông Đào Thanh D phải trả lại số tiền bà đã giao cho ông Đào Thanh D, để khắc phục cho các bị hại trong vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Đơn kháng cáo của bị cáo Lương Văn H và đơn kháng cáo của bà Lương Thị P hợp lệ. Về nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm các tội: *"Bắt, giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản"* và *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 4 Điều 170 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, không oan và đã xử phạt bị cáo tổng cộng 26 năm 06 tháng tù là tương xứng; đồng thời không chấp nhận yêu cầu buộc ông Mai Thanh D trả 270.000.000 đồng lại cho bà Lương Thị P là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị P và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Bùi Văn B bào chữa chỉ định cho bị cáo có ý kiến: Thống nhất về tội danh lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét về tình tiết bị cáo không có ý định cưỡng đoạt tài sản của bị hại Trang đối với số tiền 150.00.000 đồng, hơn nữa theo lời khai của bị cáo thì bị cáo và bị hại cùng ở chung một phòng, bị hại có điện thoại cho người nhà để gửi giấy chứng minh để bị hại viết biên nhận nợ, hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản chưa hoàn thành vì bị cáo chưa lấy được tiền của bị hại. Do đó đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là thỏa đáng.

Luật sư Dương Thị Kim L có ý kiến: Căn cứ buộc tội bị cáo phải được diễn ra trên thực tế phải được cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh; đối với số tiền 150.000.000 đồng là giao dịch dân sự giữa bị hại và bị cáo, hơn nữa bị hại và bị cáo sống chung với nhau như vợ chồng, bị cáo có cho bị hại mượn tiền. Việc bị cáo yêu cầu bị hại Trang viết biên nhận là nhằm mục đích xác định lại khoản nợ, bị hại viết biên nhận trong tình trạng rất bình tĩnh. Do đó chưa đủ căn cứ tuyên bố bị cáo phạm tội cưỡng đoạt tài sản nên đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội. Xét mức

hành phạt tù đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội bắt giữ người trái pháp luật là quá nặng, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lương Văn H và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị P đều đảm bảo đúng hình thức, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị hại bà Phạm Thị Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Thanh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành vắng mặt các đương sự theo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, kết luận định giá, lời khai của những người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định sau khi được thuê máy đào của Công ty I thì vào ngày 12/6/2020 và ngày 14/9/2020, bị cáo Lương Văn H đã tự ý cầm cố và bán 02 xe máy đào của Công ty I, với tổng trị giá là 1.146.303.000 đồng; Cho rằng mình bị lừa tình, tiền nên vào khoảng 19 giờ ngày 30/10/2022, bị cáo Lương Văn H dùng dây dù trói tay chân của bà Phạm Thị Thu T và buộc bà Phạm Thị Thu T ký tên vào 02 giấy biên nhận mượn tiền với tổng số tiền là 4.500.000.000 đồng và bà Phạm Thị Thu T đưa cho bị cáo nhận số tiền 150.000.000 đồng tiền mặt, cho đến khoảng 14 giờ ngày 31/10/2022 thì bị cáo mới trả tự do cho bà Phạm Thị Thu T. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố Lương Văn H phạm các tội: *"Bắt, giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản"* và *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 4 Điều 170 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Bà Trang ký vào 02 giấy biên nhận mượn tiền và đưa tiền mặt cho bị cáo trong hoàn cảnh bà Phạm Thị Thu T đã bị bị cáo Lương Văn H bắt, giữ trái pháp luật từ đêm hôm trước, bị trói tay trói chân, trong thời gian bắt giữ, bị cáo luôn miệng nói rằng sẽ chết cùng với bà Phạm Thị Thu T, rồi đem thùng nhựa có chứa chất lỏng (nước) vào phòng và dọa sẽ cùng chết. Tội phạm đã hoàn thành kể từ thời điểm bà Phạm Thị Thu T ký vào 02 giấy biên nhận nhận tiền trong lúc bị bị cáo bắt, giữ trái pháp luật và khủng bố tinh thần; Mặt khác, bị cáo cho rằng bà Phạm Thị Thu T còn nợ bị cáo nên bà Phạm Thị Thu T mới ký 02 giấy biên nhận mượn tiền, nhưng bị cáo không chứng minh được bà Phạm Thị Thu T còn nợ tiền của bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo vừa xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm, quyền tự do về thân thể của con người, vừa xâm phạm, đe dọa xâm phạm đến tài

sản của người khác, nên hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây tác hại rất xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình nộp tiền bồi thường thiệt hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, học vấn thấp nên nhận thức có phần hạn chế, nên đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù đối với tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* là mức trung bình của khung hình phạt quy định phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, phạt 13 năm tù đối với tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* là mức thấp của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, phạt 12 năm tù đối với tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* là mức thấp nhất của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét việc bà Lương Thị P tự nguyện giao trả cho ông Mai Thanh D số tiền 270.000.000 đồng là thỏa thuận dân sự giữa hai bên. Các bên tự giải quyết với nhau hoặc khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bà Lương Thị P yêu cầu buộc ông Mai Thanh D phải giao số tiền 170.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại trong vụ án.

[5] Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn H và không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lương Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; tuyên về nghĩa vụ thi hành án, trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn H và không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị P.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lương Văn H:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 4 Điều 170; khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lương Văn H phạm các tội: *"Bắt, giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản"* và *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*;

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù về tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật",* 13 *(Mười ba)* năm tù về tội *"Cưỡng đoạt tài sản",* 12 *(Mười hai)* năm tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản"*;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Văn H chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 26 *(Hai mươi sáu)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 07/6/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Bị cáo Lương Văn H phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)*.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; tuyên về nghĩa vụ thi hành án, trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)